

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 01/2025/DS-GĐT

Ngày 04-12-2025

V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ỦY BAN THẨM PHÁN - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ gồm có:

11 (Mười một) thành viên tham gia xét xử, do ông Lê Văn Tuấn - Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ làm Chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự “*Tranh chấp chia thừa kế*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Kiều Thị Tr, sinh năm 1936 (Chết năm 2023); Địa chỉ: TDP Đ, xã X, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Văn Thị Thanh H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ', xã T, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Bà Kiều Thị A, sinh năm 1945; Địa chỉ: TDP Th, xã X, tỉnh Phú Thọ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Bà Kiều Thị L, sinh năm 1954; Địa chỉ: TDP Th, xã X, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020 và những lời khai tiếp theo tại tòa của nguyên đơn bà Kiều Thị Tr và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Văn Thị Thanh H trình bày:

Bà Kiều Thị Tr có bố đẻ là cụ Kiều Văn Tr1 chết năm 1959, mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị S chết năm 1997, bố mẹ bà sinh được 03 người con là bà Kiều Thị

Tr, bà Kiều Thị A và bà Kiều Thị L. Bố mẹ bà có khối tài sản là thửa đất diện tích 422m², địa chỉ thửa đất tại thị trấn Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (trước sáp nhập). Bố mẹ bà chết không để lại di chúc.

Năm 2006, bà có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, tại Bản án số 18/2012/DS-PT ngày 12/4/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xét xử chia cho 03 chị em bà được $\frac{1}{2}$ diện tích đất 422m² là phần di sản của mẹ bà để lại, kỷ phần bà Tr được hưởng là 72,3m² đất, bà An được hưởng 144,7m² đất (do bà L nhường kỷ phần của mình cho bà An).

Di sản còn lại là 217m² là phần di sản của bố bà để lại (do hết thời hiệu chia thừa kế, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu là 10 năm) nên Tòa án tạm giao cho bà A quản lý phần di sản đó. Kể từ khi Tòa án tạm giao cho bà A quản lý đến nay, gia đình bà vẫn chưa có thỏa thuận phân chia di sản trên.

Năm 2020, bà Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế phần di sản bố bà để lại là 217m² (do Bộ luật dân sự 2015 sửa đổi thời hiệu thừa kế), phần bà đề nghị được hưởng là 70m², bà yêu cầu được nhận bằng diện tích đất, đối với nhà ở và công trình phụ trên đất bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Kiều Thị A trình bày:

Bố đẻ của bà là cụ Kiều Thị Tr1, chết năm 1959, mẹ đẻ của bà là cụ Nguyễn Thị S, chết năm 1997. Gia đình bà có 03 chị em gái, chị bà là Kiều Thị Tr, đã có chồng; em gái là Kiều Thị L, đã có gia đình riêng; bản thân bà không lấy chồng, sống chung với bố mẹ.

Năm 1959, bố bà chết không có di chúc. Năm 1999, bà kê khai và được Nhà nước cấp GCNQSDĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Tr vắng mặt, không có lời khai.

Bản án số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2023/TB-TA ngày 18/01/2023 của TAND huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Áp dụng Điều 623, 649, 650, 651, 658 BLDS năm 2015; Điều 244 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị Tr: Yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 236,4m² (100m² đất ở và 136,4m² đất vườn) tại tờ bản đồ số 31,

thửa đất số 65, địa chỉ thửa đất ở TDP Th, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là di sản thừa kế của cụ Kiều Văn Tr1 để lại.

2. Chia cho bà Kiều Thị Tr được quản lý và sử dụng diện tích đất 70m² đất (33,3m² đất ở và 36,7m² đất vườn) tại tờ bản đồ số 31, thửa đất số 65, địa chỉ thửa đất ở TDP Th, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có mốc giới HGg6g8H (có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

3. Chia cho bà Kiều Thị A được quản lý và sử dụng diện tích đất 83,2m² đất (33,3m² đất ở và 49,9m² đất vườn) trong tổng số diện tích đất 166,4m² tại tờ bản đồ số 31, thửa đất số 65, địa chỉ thửa đất ở TDP Th, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có mốc giới HGg6g8H (có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

4. Tạm giao cho bà Kiều Thị A quản lý diện tích đất 83,2m² đất (33,3m² đất ở và 49,9m² đất vườn) là kỷ phần thừa kế của bà Kiều Thị L được hưởng trong tổng số diện tích đất 166,4m² tại tờ bản đồ số 31, thửa đất số 65, địa chỉ thửa đất ở TDP Th, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có mốc giới Ahg8g6Feg7DCAH (có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

Ngày 08/8/2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có Văn bản kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm số 758/KN-CCTHADS đối với Bản án số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 26/5/2025, Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có Văn bản số 457/CCTHADS về việc đề nghị xem xét lại Thông báo số 243/TB-TANDCC-DS ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/2025KN-DS ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

1. Kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc về vụ án “tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn là bà Kiều Thị Tr với bị đơn là bà Kiều Thị A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Kiều Thị L.

2. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Giao hồ sơ vụ án cho TAND khu vực 8 – Phú Thọ để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tạm đình chỉ thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lý do kháng nghị: Tại Văn bản số 758/KN-CCTHADS ngày 08/8/2024 và Văn bản số 457/CCTHADS ngày 26/5/2025, Chi cục THADS huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc kiến nghị xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc với lý do không thể thi hành án được do diện tích 70m² đất theo mốc giới HG6g8H mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho bà Tr nay đo thực tế chỉ có 55,4m² đất (trên đất có một số công trình xây dựng, cây lâu năm của bà A); có sự chong lẩn về diện tích 17m² đất theo quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 18/2012/DS-PT ngày 12/4/2012 và quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Căn cứ Trích đo địa chính hiện trạng thửa đất ngày 29/7/2021 của Công ty cổ phần Khảo sát Đo đạc, Xây dựng K đính kèm Bản án sơ thẩm nêu trên và Sơ đồ hiện trạng thửa đất, tài sản gắn liền trên đất ngày 28/5/2024 của Công ty TNHH Đo đạc bản đồ HTTL do Chi cục THADS huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cung cấp thì phần đất giao cho bà Tr có số đo của 3 cạnh tương ứng là thống nhất. Riêng cạnh Hg8 (theo Trích đo địa chính hiện trạng thửa đất ngày 29/7/2021) có số đo 18,88m, còn cạnh (8-10) tương ứng (theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất, tài sản gắn liền trên đất ngày 28/5/2024) có số đo 14,99m.

Theo trích đo địa chính hiện trạng thửa đất ngày 29/7/2021 thể hiện di sản của cụ Trẽ là một phần thửa đất số 65 có hình thể là hình thang FGAD có đáy nhỏ FG (18,06m), đáy lớn AD (20,74m) và cạnh Hg8 kéo dài cũng tạo thành hình thang EHAD có đáy nhỏ EH, đáy lớn AD. Tuy nhiên, đáy nhỏ EH=Hg8+g8E=18,88+3,8m=22,68m lớn hơn đáy lớn AD (20,74m) là đo vẽ không chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Trích đo địa chính hiện trạng thửa đất ngày 29/7/2021 để giải quyết vụ án là không chính xác.

Mặt khác, khi so sánh bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất do Công ty cổ phần khảo sát đo đạc và xây dựng K cung cấp ngày 29/7/2021 mà Tòa án

nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc dùng làm căn cứ để tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 và sơ đồ hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ HTTL cung cấp ngày 28/5/2024 có các thông số khác nhau, cụ thể:

Các cạnh	Ngày 29/7/2021 (Ký hiệu cạnh bằng chữ, số), (Đơn vị: mét)	Ngày 28/5/2024 (Ký hiệu cạnh bằng số), (Đơn vị: mét)
AD (1-3)	20.74	20.69
AH (1-8)	8.64	8.67
HE (8-4)	22.68	18.79
DE (3-4)	8.10	8.18
Hg8 (8-10)	18.88	14.99
GF (7-5)	18.06	17.98
Gg6 (7-6)	14.26	14.18

[3] Về bản chất, di sản thừa kế của cụ Kiều Văn Tr1 và cụ Nguyễn Thị S là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 31, diện tích theo bản đồ 299 là 422m², địa chỉ tại TDP Th, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại Bản án phúc thẩm số 18/2012/DS-PT ngày 12/4/2012 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc nhận định: “Qua xác minh UBND thị trấn T cho biết: Theo bản đồ 299 thì diện tích của bà Kiều Thị A là 422m² nhưng theo đo thực tế là 434m² chênh lệch 12m², lý do có sự chênh lệch trên là khi các cán bộ nghiệp vụ tiến hành đo dây cắm ghim nên có sự sai số. Việc sai số này là được phép, còn mốc giới xác định thực tế ổn định, các hộ liền kề đã có ranh giới rõ ràng và ổn định, không có tranh chấp gì. Do vậy cần xác định di sản thừa kế các bên tranh chấp là 434m², do thời hiệu khởi kiện phần di sản của cụ Tr1 đã hết nên cần tạm giao cho bà A sử dụng, quản lý ½ là 217m², còn lại 217m² cần xem xét phân chia theo hàng thừa kế. HĐXX phúc thẩm quyết định buộc bà A phải trả cho bà Trị 72,3m² đất, giao cho bà An quản lý sử dụng 144,7m² đất (là phần thừa kế bà A, bà L được hưởng). Tạm giao cho bà A quản lý, sử dụng 217m² đất còn lại chưa chia.

Năm 2020, bà Tr có đơn khởi kiện yêu cầu chia nốt phần di sản 217m² tại thửa 65, tờ bản đồ 31. Cấp sơ thẩm đã tuyên, các đương sự không có kháng cáo. Tuy nhiên, sau khi đo đạc lại để thi hành án thì cơ quan đo đạc thấy có sự chênh lệch. Mà Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn để quyết định nên việc có sự chênh lệch này không phải do lỗi của HĐXX. Tuy nhiên, do

có sự chênh lệch về diện tích, số đo các cạnh dẫn đến việc không thể thi hành bản án số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của TAND huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc mà không thể khắc phục được.

Vì vậy, kiến nghị của Chi cục THADS huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cho rằng phần đất theo mốc giới HGg6g8H đo đạc lại chỉ có 55,4m² không đủ 70m² giao cho bà Tr theo quyết định của bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của TAND huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc không thể thi hành án được là có căn cứ.

[4] Trong quá trình chuẩn bị xét xử giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận được đơn đề nghị của anh Kiều Anh T, là người thừa kế của bà Kiều Thị Tr trình bày: Bà A đã xây dựng trái phép trên diện tích đất chưa thi hành án được (do bà A không chấp hành bản án đã có hiệu lực của Tòa án) nên đề nghị cấp sơ thẩm giải quyết triệt để vụ án, bảo đảm quyền lợi của đương sự. Cụ thể ông đề nghị, nếu bà A đã xây lấn sang phần đất mà bà Tr được hưởng thì yêu cầu bà A đổi phần đất trống bà An được hưởng (chưa có công trình trên đất) cho bà Tr (số đo theo kỹ phần bà Tr được hưởng, theo thực tế thửa đất và các bên đều có lối đi). Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận thể hiện sự tự nguyện của các bên đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, do đó, cấp sơ thẩm cần xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 15 Điều 1 Luật số 85/2025 của Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/2025/KN-DS ngày 15/8/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc về vụ án “Tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn bà Kiều Thị Tr với bị đơn bà Kiều Thị A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị L.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (04-12-2025)/.

Nơi nhận:

- Chánh án TAND tối cao;
- TAND khu vực 8 - Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Tuấn